

Số: /BC-STTTT

Bắc Kạn, ngày tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá chỉ số Chuyển đổi số năm 2021; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh trong thời gian tiếp theo

Căn cứ Kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các bộ, tỉnh - DTI 2021 do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố ngày 08/8/2022, Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo đánh giá kết quả chuyển đổi số năm 2021 và đề xuất giải pháp thúc đẩy tăng điểm số giai đoạn 2022- 2025 tỉnh Bắc Kạn như sau:

I. Tổng quan về bộ chỉ số chuyển đổi số (DTI)

Ngày 20/5/2022, Bộ TTTT đã ban hành Quyết định 922/QĐ-BTTTT phê duyệt Đề án Xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là bộ chỉ số DTI). Bộ chỉ số DTI cấp tỉnh gồm 9 chỉ số chính với 98 chỉ số thành phần. Cụ thể:

- Theo đó 9 chỉ số chính được chia thành 02 nhóm là Nhóm chỉ số nền tảng chung và Nhóm chỉ số về hoạt động.

+ Nhóm chỉ số nền tảng chung gồm 06 chỉ số chính là: Nhận thức số (10 chỉ số thành phần, viết tắt là CSTP), Thẻ chế số (11 CSTP), Hạ tầng số (7 CSTP), Nhân lực số (13 CSTP), An toàn thông tin mạng (12 CSTP), Đô thị thông minh (0 CSTP);

+ Nhóm chỉ số về hoạt động gồm 03 chỉ số chính: Hoạt động chính quyền số (22 CSTP), Hoạt động kinh tế số (12 CSTP), Hoạt động xã hội số (8 CSTP).

- Bộ chỉ số được chia thành 3 trụ cột:

+ Trụ cột chính quyền số có 07 chỉ số chính, trong đó gồm 06 chỉ số chính thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động chính quyền số.

+ Trụ cột kinh tế số có 07 chỉ số chính, trong đó gồm 06 chỉ số chính thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động kinh tế số.

+ Trụ cột xã hội số có 07 chỉ số chính, trong đó gồm 06 chỉ số chính thuộc nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động xã hội số.

II. Đánh giá chỉ số DTI tỉnh Bắc Kạn năm 2021 và giải pháp khắc phục tồn tại, thúc đẩy nâng cao các chỉ số DTI của tỉnh.

- Năm 2021 là năm thứ 2 Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá chỉ số chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên Bộ chỉ số năm 2021 khác so với năm 2020 là thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và

Truyền thông (TTTT).

- Năm 2021, Bộ TTTT đánh giá xếp hạng chuyển đổi số (CDS) cấp tỉnh: Vị trí xếp hạng DTI của các địa phương mức trung bình là **0,4595** điểm, Bắc Kạn xếp hạng **51** với **320,7** điểm, tăng **8 bậc** so với năm 2020 (xếp **59** với **241** điểm). Tuy nhiên mức độ tăng trưởng chỉ **33,07%** (cả nước là **31,7%**).

Xếp hạng các chỉ số chính như sau:

Điểm/Hạng	DTI 2021	Nhận thức số	Thế chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	ATTT mạng	Hoạt động CQS	Hoạt động KTS	Hoạt động XHS
Điểm	320,73	60	25	49,1	32,91	19,33	40,16	60,68	33,56
Xếp hạng	51	36	57	24	17	54	62	17	50

Kết quả cho thấy các chỉ số về Thế chế số, An toàn thông tin mạng và nhóm chỉ số hoạt động của Chính quyền số còn rất thấp. Trong khi đó các chỉ số về, nhận thức số, nhân lực số, hạ tầng số và hoạt động kinh tế số ở mức tốt. Đặc biệt chỉ số về nhân lực số và hoạt động kinh tế số nằm trong top 20 của cả nước.

Xếp hạng theo 03 trụ cột như sau:

Trụ cột Năm	Chính quyền số		Kinh tế số		Xã hội số	
	2020	2021	2020	2021	2020	2021
Điểm	107,36	226,5	58,89	247	74,76	219,9
Xếp hạng	59	55	56	39	43	42
Tăng trưởng	Tăng 4 bậc		Tăng 16 bậc		Tăng 1 bậc	

Kết quả đánh giá theo 03 trụ cột cho thấy tỉnh đã cải thiện được về điểm số của cả 03 trụ cột, cũng như cải thiện rất tốt thứ hạng về Kinh tế số. Điểm số Chính quyền số vẫn cao nhất thể hiện việc thừa hưởng các kết quả ứng dụng CNTT trong hoạt động của các CQNN trong những năm qua.

1. Đánh giá chỉ số “Nhận thức số”

a) **Đánh giá chung:** Đạt **60/100** điểm, xếp hạng **36**, chi tiết theo Phụ lục 1.

b) Giải pháp đề xuất:

- Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh:
 - + Thường xuyên tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban chỉ đạo CDS tỉnh ký các chương trình, kế hoạch, đề án về chuyển đổi số;
 - + Chỉ đạo, đôn đốc Cổng thông tin điện tử của tỉnh thường xuyên viết tin, bài về chuyển đổi số đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh ít nhất 20 tin, bài/năm;
- Chủ tịch UBND cấp huyện, Trưởng ban chỉ đạo CDS cấp huyện chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp huyện, UBND cấp xã xây

dựng các chuyên trang về CDS và tăng tần suất phát sóng về nội dung CDS trên các hệ thống truyền thanh cơ sở ở địa phương ít nhất 01 lần/tuần.

2. Đánh giá chỉ số Thể chế số

a) Đánh giá chung: Đạt **25/100** điểm, xếp hạng **57**, chi tiết theo Phụ lục 2.

b) Giải pháp đề xuất:

- Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu tham mưu ban hành các chính sách thuê chuyên gia công nghệ số; chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tăng cường sử dụng DVCTT;

- Sở Kế hoạch - Đầu tư tham mưu ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số. Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí ngân sách đảm bảo chi cho chuyển đổi số của tỉnh với tỷ lệ khoảng **1%** tổng chi ngân sách hàng năm và giai đoạn 2023-2025.

3. Đánh giá chỉ số “Hạ tầng số”

a) Đánh giá chung: Đạt **49,1/100** điểm, xếp hạng **24**, chi tiết theo Phụ lục 3.

b) Giải pháp đề xuất:

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh lựa chọn, công bố các nền tảng số dùng chung theo khuyến nghị của Bộ TTTT; tham mưu nâng cấp, bổ sung trung tâm dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu sử dụng công nghệ điện toán đám mây và kết nối với hệ thống điện toán đám mây của Chính phủ khi có đủ điều kiện; tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật dữ liệu ngành, địa phương vào các nền tảng dùng chung; thúc đẩy sử dụng các nền tảng số phát triển kinh tế số, xã hội số ở ngành, địa phương, nhất là các nền tảng phục vụ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tăng cường triển khai các giải pháp khuyến khích người dân sử dụng điện thoại thông minh; hộ gia đình có cáp quang đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ.

4. Đánh giá chỉ số Nhân lực số

Đánh giá chung: Đạt **32,91/100** điểm, xếp hạng **17**, chi tiết theo Phụ lục 4.

b) Giải pháp đề xuất:

- UBND các huyện, thành phố chỉ đạo UBND cấp xã rà soát, thành lập các tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông. chỉ đạo việc tập huấn cho các tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn. Yêu cầu công chức cấp xã tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn trực tuyến trên cổng đào tạo trực tuyến <https://onetouch.mic.gov.vn/> của Bộ TTTT; cử CBCCV tham gia

đầy đủ các lớp tập huấn về CDS do tỉnh tổ chức.

- Sở Thông tin và Truyền thông:

+ Tham mưu UBND tỉnh bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số vào chức năng, nhiệm vụ của Sở; tham mưu thành lập Trung tâm chuyển đổi số của tỉnh.

+ Phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực về CNTT, CDS và an toàn thông tin phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh.

- Sở GD-ĐT, Sở LĐ-TB-XH tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thúc đẩy tăng tỷ lệ các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở), đảm bảo tỷ lệ theo chương trình chuyển đổi số của tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

5. Đánh giá chỉ số An toàn thông tin mạng (ATTT mạng)

a) Đánh giá chung: Đạt **19,33/100** điểm, xếp hạng **54**, chi tiết theo Phụ lục 5.

b) Giải pháp đề xuất:

- Các Sở, ngành, địa phương rà soát lập hồ sơ cấp độ an toàn các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của Bộ TTTT trong năm 2022; đảm bảo 100% máy tính cho CBCCVC làm việc và cài đặt phần mềm phòng chống vi rút có bản quyền.

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh thực hiện các giải pháp trong việc giám sát ATTT các hệ thống thông tin của tỉnh kết nối với hệ thống giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia. Tham mưu nâng cao chất lượng đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính của tỉnh.

- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí ngân sách thực hiện đảm bảo chi cho ATTT mạng không dưới 10% tổng chi cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của tỉnh.

2. Đánh giá chỉ số Hoạt động Chính quyền số

a) Đánh giá chung: Đạt **40,16/200** điểm, xếp hạng **62**, chi tiết theo Phụ lục 6.

b) Giải pháp đề xuất:

- Văn phòng UBND tỉnh chủ trì tham mưu nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định;

- Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở của tỉnh kết nối với Cổng dữ liệu mở quốc gia, đưa các dữ liệu mở của tỉnh lên cổng và tham mưu ban hành quy định chia sẻ dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp (*hoàn thành trong năm 2023*);

Tham mưu xây dựng mới các nền tảng gồm: Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp, công chức, viên chức; xây dựng kế hoạch ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- UBND các huyện, thành phố tăng cường sử dụng hệ thống HNTH tổ chức họp trực tuyến từ cấp huyện tới cấp xã.

- Các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã nhanh chóng hoàn thành việc rà soát lại các TTHC đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình để tổng hợp trình UBND tỉnh công bố lại danh mục DVCTT toàn trình, góp phần tăng tỷ lệ DVC trực tuyến được tích hợp trên Cổng DVC quốc gia. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng DVCTT góp phần tăng tỷ lệ phát sinh hồ sơ DVCTT toàn trình đạt tối thiểu 60% vào cuối năm 2022, 80% vào cuối năm 2025.

- Các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Tăng tỷ lệ trả kết quả TTHC qua BCCI mỗi năm thêm 10%.

7. Đánh giá chỉ số hoạt động Kinh tế số

a) Đánh giá chung: Đạt **60,67/150** điểm, xếp hạng **17**, chi tiết theo Phụ lục 7.

b) Giải pháp đề xuất:

- Sở Kế hoạch và đầu tư chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh thúc đẩy các doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử; hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số. tham mưu bố trí kinh phí đầu tư cho hoạt động kinh tế số của các cơ quan, đơn vị hàng năm.

- Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn chi sự nghiệp cho các hoạt động kinh tế số hàng năm của tỉnh.

- Đề nghị Cục thuế tỉnh có giải pháp thúc đẩy và xác định tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử hàng năm.

- Bưu điện tỉnh, chi nhánh Bưu chính Viettel Bắc Kạn tiếp tục thúc đẩy các hộ sản xuất hàng hoá, sản phẩm nông nghiệp, các hợp tác xã, các doanh nghiệp và người dân tạo tài khoản và tăng cường giao dịch trên sàn thương mại điện tử voso.vn và Postmart.vn nhằm tăng tỷ lệ các giao dịch trên các sàn thương mại điện tử.

8. Đánh giá chỉ số Hoạt động xã hội số

a) Đánh giá chung: Đạt **33,55/150** điểm, xếp hạng **50**, chi tiết theo Phụ lục 8.

b) Giải pháp đề xuất:

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thúc đẩy tuyên truyền, hướng dẫn người dân về kỹ năng số cho người dân thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn, tổ.

- Các Sở, ngành và các địa phương nâng cao trách nhiệm trong việc xử lý các vấn đề góp ý, kiến nghị của người dân về chất lượng dịch vụ công, tạo niềm tin cho người dân tham gia xây dựng chính quyền và giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả chỉ số DTI tỉnh Bắc Kạn năm 2021 và đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số DTI trong thời gian tiếp theo của Sở Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử

- UBND tỉnh (b/c);
- BCĐ về CDS tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- NHNN tỉnh Bắc Kạn;
- Tỉnh Đoàn Bắc Kạn;
- UBND các huyện, TP;
- Phòng VHHTT các huyện, TP;
- Các PGĐ Sở;
- Phòng CNTT-BCVT.

Gửi bản giấy:

- Các NH thương mại trên địa bàn;
- Hiệp hội DN tỉnh;
- Hội doanh nhân trẻ tỉnh;
- Các DN BCVT trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lô Quang Tuyền

Phụ lục 1

Kết quả đánh giá DTI năm 2021 nhóm chỉ số NHẬN THỨC SỐ

1	Chỉ số đánh giá	Đánh giá chung
1.1	Người đứng đầu Tỉnh là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Tỉnh	Đạt: Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban
1.2	Người đứng đầu Tỉnh chủ trì, chỉ đạo CDS	Đạt: Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì các cuộc họp BCD
1.3	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về CDS do người đứng đầu Tỉnh (Chủ tịch Tỉnh) ký	Chưa đạt: Chủ yếu Phó Chủ tịch phụ trách khởi ký.
1.4	Có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số	Đạt: chuyên trang CDS tại chuyendoiso.backan.gov.vn
1.5	Cổng thông tin điện tử của Tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa đạt: Đã có nhưng số lượng tin bài về chuyển đổi số trong năm dưới 10.
1.6	Cơ quan báo chí của Tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Đạt: Đã có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.
1.7	Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Đạt: Đã có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.
1.8	Tần suất Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh phát sóng chuyên mục riêng về CDS	Đạt: Tần suất phát sóng từ 1 tháng/1 lần
1.9	Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa đạt: Chưa có chuyên mục riêng mà lồng ghép vào
1.10	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Chưa đạt: Chưa đạt yêu cầu

Phụ lục 2
Kết quả đánh giá DTI năm 2021 nhóm chỉ số THỂ CHẾ SỐ

2	Chỉ số đánh giá	Đánh giá chung
2.1	Nghị quyết chuyên đề của cấp ủy về CDS	Đạt: Chỉ thị số 09/CT-TU, ngày 03/8 /2021.
2.2	Kế hoạch hành động 5 năm của Tỉnh về CDS	Chưa đạt: Tỉnh chưa ban hành Kế hoạch giai đoạn 5 năm về chuyển đổi số.
2.3	Kế hoạch hành động hằng năm của Tỉnh, thành phố về chuyển đổi số	Đạt: Hằng năm đều có kế hoạch năm riêng
2.4	Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam	Đạt: QĐ 1189/QĐ-UBND ngày 29/6/2020, kiến trúc V2.0
2.5	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của Tỉnh, thành phố	Chưa đạt: Không tổ chức.
2.6	Ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số	Chưa đạt: Chưa cáo VB riêng mà lồng ghép vào kế hoạch CNTT hàng năm
2.7	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số	Chưa đạt: Chưa tổ chức
2.8	Ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số	Chưa đạt: Chưa ban hành chính sách.
2.9	Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số	Chưa đạt: Chưa có
2.10	Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	Chưa đạt: Chưa có
2.11	Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Chưa đạt: Chưa có

Phụ lục 3

Kết quả đánh giá DTI năm 2021 nhóm chỉ số HẠ TẦNG SỐ

3	Chỉ số đánh giá	Đánh giá chung
3.1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	Đạt: 67,35% (207.870 người)
3.2	Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh	Đạt: 85,23% Số liệu theo Cục Viễn thông.
3.3	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	Đạt: 49,14% (41.486 hộ)
3.4	Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	Đạt: 100% (108/108)
3.5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	Chưa đạt: Đã triển khai theo hướng điện toán đám mây, chưa kết nối với Hệ thống của Chính phủ (<i>chưa có hướng dẫn</i>)
3.6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	Chưa Đạt: Mới triển khai nền tảng LGSP
3.7	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số	Đạt: Hệ thống IOC của tỉnh

Phụ lục 4

Kết quả đánh giá DTI năm 2021 nhóm chỉ số NHÂN LỰC SỐ

4	Chỉ số đánh giá	Đánh giá chung
4.1	Tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp xã	Chưa đạt: Do Bộ TTTT mới hướng dẫn thí điểm năm 2022 Hiện đã thành lập được 90 tổ.
4.2	Tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp thôn, xóm	Chưa đạt: Do Bộ TTTT mới hướng dẫn thí điểm năm 2022 Hiện đã thành lập được 125 tổ.
4.3	Sở Thông tin và Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số	Chưa đạt: Chưa có QĐ bổ sung vào chức năng, nhiệm vụ của Sở TTTT
4.4	Sở Thông tin và Truyền thông có bộ phận/đơn vị thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số	Đạt: Quyết định số 2193/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021
4.5	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số	Chưa đạt: Bắc Kạn có 38 người. Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ cao nhất thì điểm tối đa và giảm dần nên Bắc Kạn không đạt điểm
4.6	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	Chưa đạt: Bắc Kạn có 50 người. Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ cao nhất thì điểm tối đa và giảm dần nên Bắc Kạn không đạt điểm
4.7	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	Đạt: Năm 2021 có 9.586 người được tham gia bằng 2 hình thức trực tiếp và trực tuyến theo Kế hoạch số 726 ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh.
4.8	Tỷ lệ cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về chuyển đổi số	Chưa đạt: Trường Cao đẳng Bắc Kạn chưa đào tạo chuyên ngành về chuyển đổi số.
4.9	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyển đổi số	Chưa đạt: Trường Cao đẳng Bắc Kạn chưa đào tạo chuyên ngành về chuyển đổi số.
4.10	Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng,	Chưa đạt: Năm 2021 có

	tập huấn kỹ năng số	20.000 người được bồi dưỡng kỹ năng số theo Kế hoạch số 726 ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh đạt 10,03%.
4.11	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch	Chưa đạt: Chưa có
4.12	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở)	Chưa đạt: Chưa có
4.13	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).	Chưa đạt: Chưa có

Phụ lục 5**Kết quả đánh giá DTI năm 2021 nhóm chỉ số AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG**

5	Chỉ số đánh giá	Đánh giá chung
5.1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	
5.2	Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt	
5.3	Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	
5.4	Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	
5.5	Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc	
5.6	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	
5.7	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT- BTTTT ngày 24/4/2017	
5.8	Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	
5.9	Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai	
5.10	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước	
5.11	Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước	
5.12	Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT)	

Phụ lục 6

Kết quả đánh giá DTI năm 2021 nhóm chỉ số HOẠT ĐỘNG CHÍNH QUYỀN SỐ

6	Chỉ số đánh giá	Đánh giá chung
6.1	Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Chưa đạt: Do chưa có quy định tính năng kỹ thuật từ Bộ TTTT
6.2	Triển khai cổng dữ liệu mở	Chưa đạt: Chưa triển khai
6.3	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Chưa đạt: Có triển khai HTTT nhưng chưa đánh giá đáp ứng về kỹ thuật vì chưa có quy định từ Bộ TTTT; Chưa hợp nhất Cổng Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh
6.4	Triển khai kênh số khác (ngoài cổng TTĐT và cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT	Đạt: Đã triển khai thêm trên Zalo.
6.5	Triển khai kênh số khác (ngoài cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp	Đạt: Đã triển khai thêm trên Zalo.
6.6	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Đạt: Đã kết nối 3/6 dữ liệu dùng chung qua nền tảng.
6.7	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh	Đạt : Kết nối được 10 dịch vụ dữ liệu, sử dụng chính thức 4.
6.8	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 hoặc toàn trình	Đạt: Có 1.283/1.283 dịch vụ đủ điều kiện nâng lên mức 4 đạt 100%.
6.9	Tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin	Chưa đạt: Do chưa liên thông CSDL dân cư
6.10	Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa	Chưa đạt: Do chưa liên thông CSDL dân cư
6.11	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến	Đạt : Đạt tỷ lệ 56,95%
6.12	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	Chưa đạt : Chỉ có 15,50% (yêu cầu trên 80% đạt điểm

		tối đa)
6.13	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT mức độ 3, 4 trong năm	Chưa đạt: Không có số liệu kiểm chứng.
6.14	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	Chưa đạt: Không có số liệu kiểm chứng.
6.15	Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung	Chưa đạt: Tài liệu kiểm chứng chưa đáp ứng hướng dẫn tại CV 2224/BTTTT-THH ngày 09/6/2022.
6.16	Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước	Chưa đạt: Tài liệu kiểm chứng chưa đáp ứng hướng dẫn tại CV 2224/BTTTT-THH ngày 09/6/2022.
6.17	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh và đến từng thiết bị cá nhân	Đạt 50%: Bộ yêu cầu chỉ số này hệ thống phải kết nối đến từng thiết bị của cá nhân.
6.18	Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước	Chưa đạt: Tài liệu kiểm chứng chưa đáp ứng hướng dẫn tại CV 2224/BTTTT-THH ngày 09/6/2022.
6.19	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp	Chưa đạt: Chưa triển khai
6.20	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức	Chưa đạt: Chưa triển khai
6.21	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số	Chưa đạt: Chưa triển khai
6.22	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	Chưa đạt: Tài liệu kiểm chứng theo Công văn của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư không được chấp thuận.

Phụ lục 7

Kết quả đánh giá DTI năm 2021 nhóm chỉ số HOẠT ĐỘNG KINH TẾ SỐ

7	Chỉ số đánh giá	Đánh giá chung
7.1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	Đạt: Tỷ lệ 12,27% ; giá trị tăng thêm đạt 950 tỷ đồng.
7.2	Số doanh nghiệp công nghệ số (<i>Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - CNTT</i>)	Chưa đạt: Chủ yếu chỉ có VNPT, Viettel, Mobifone.
7.3	Số lượng doanh nghiệp nền tảng số	Đạt: Đạt 11,55% với 127 doanh nghiệp.
7.4	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx	Đạt: Đạt 85,34% với 937 doanh nghiệp.
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	Đạt: Đạt 89,34% với 981 doanh nghiệp.
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	Chưa đạt: Chỉ số 01 doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử	Đạt: Đạt 74,55% với 820 doanh nghiệp.
7.8	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định	Đạt: Đạt 86,24% với 163 điểm phục vụ.
7.9	Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử vô sò và Postmart	Chưa đạt: Mới chỉ có 122 giao dịch đạt tỷ lệ 0,03%.
7.10	Số lượng tên miền .vn	Chưa đạt: Mới chỉ có 179 giao dịch đạt tỷ lệ 16,27%.
7.11	Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	Chưa đạt: Đã chi 34,1 tỷ đồng nhưng không đạt tỷ lệ trên tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.
7.12	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	Không có số liệu

Phụ lục 8**Kết quả đánh giá DTI năm 2021 nhóm chỉ số HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI SỐ**

8	Chỉ số đánh giá	Đánh giá chung
8.1	Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử	Chưa đạt: Tài khoản định danh điện tử năm 2021 chưa triển khai (sẽ tính điểm kể từ năm 2022)
8.2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	Đạt: Đạt tỷ lệ 37,76% (81.103 người).
8.3	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Chưa đạt: Mới đạt tỷ lệ 0,23% (486 người).
8.4	Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình)	Đạt: Đạt tỷ lệ 90,53% (76.431 hộ).
8.5	Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	Chưa đạt: Mới đạt tỷ lệ 27,43% (54.672 người).
8.6	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Chưa đạt: Không có số liệu
8.7	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Chưa đạt: Không có số liệu
8.8	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền	Người dân có tham gia qua các kênh hỏi đáp, phản ánh hiện trường,... nhưng chưa được nhiều.